

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-PT

Ngày: 28-6-2019

V/v: “*Tranh chấp về chia tài sản của nam nữ chung sống
với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quyến

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Hoàng Dũng

Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hương – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2019/TLPT-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2019 về việc “*Tranh chấp về chia tài sản của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 59/2018/HNGĐ-ST ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân quận Ô Môn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 83/2019/QĐPT-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1959; nơi cư trú: quận B, thành phố Cần Thơ.

- Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Hoài Th, sinh năm 1986; nơi cư trú: phường Th, quận B, thành phố Cần Thơ. Có mặt

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng V- Luật sư, Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ

2. Bị đơn: Ông Trần Văn S, sinh năm 1965; nơi cư trú: quận O, thành phố Cần Thơ. Có mặt

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Mai Công Nh – Luật sư, Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1967; 2/ Chị Trần Ngọc Yến Nh, sinh năm 1990; cùng địa chỉ: quận C, thành phố Cần Thơ.

- Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Đ

- Người kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân quận Ô

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và quá trình tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ có đại diện bà Nguyễn Thị Hoài Th trình bày và yêu cầu:

Bà Đ và ông S chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996, không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu ông bà sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Từ năm 2010, ông bà không còn chung sống với nhau nữa. Quá trình chung sống có tạo lập được một số tài sản sau:

- Quyền sử dụng diện tích 380m² đất tại thửa 786, tờ bản đồ số 04, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00399 do Ủy ban nhân dân quận Ô cấp ngày 12/7/2000 cho hộ ông Trần Văn S, căn nhà có trên thửa đất (nhà 02 vách tường xây tạm, trần lợp tol thường, nền lót gạch bông...). Nguồn gốc thửa đất là do bà và ông S mua của vợ chồng ông Nguyễn Văn Th từ năm 1999, sau khi mua xong thì năm 2000 cất nhà.

- Một số đồ dùng trong gia đình có giá trị 38.000.000đ.

Đối với phần đất trên thì đã bị giải tỏa diện tích 143,6m² và căn nhà trên đất, tổng giá trị bồi thường là 437.993.120đ.

Trước đây, bà Đ có làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn và chia tài sản, đã được Tòa án nhân dân quận Ô Môn xét xử sơ thẩm không công nhận quan hệ vợ chồng và chia tài sản. Ngày 10/11/2015, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm y án về quan hệ hôn nhân, hủy án phần chia tài sản.

Nay bà Đ yêu cầu cụ thể như sau:

- Giá trị nhà đất còn lại sau khi bị giải tỏa là 700.000.000đ yêu cầu chia đôi; tiền bồi thường và giá trị vật dụng yêu cầu chia đôi.

Bị đơn ông Trần Văn S trình bày:

Do quen biết và thấy bà Đ có hoàn cảnh khó khăn nên ông thương tình giúp đỡ và cho ở chung nhà. Tuy nhiên, bà Đ lợi dụng tin tưởng của ông đã chiếm

đoạt của ông nhiều tài sản. Sau đó bà Đ để cho con ruột và con rể đe dọa nhằm làm ông không dám đòi lại tài sản.

Ông đã kết hôn với bà Nguyễn Thị Hồng L vào năm 1989, có 01 con chung. Hiện nay hôn nhân vẫn tồn tại. Năm 2000, ông và bà L có mâu thuẫn nên bà L về bên vợ đẻ ở.

Đối với nhà đất bà Đ yêu cầu chia đôi là tài sản riêng của ông, ông mua của ông Nguyễn Mạnh Th từ năm 2000 và đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như bà Đ trình bà. Hộ gia đình ông chỉ có một mình ông. Tài sản của ông không liên quan đến bà Đ.

Nay không đồng ý chia đôi tài sản theo yêu cầu của nguyên đơn.

- Bà Nguyễn Thị Hồng L trình bày: Bà là vợ của ông Sơn, bà không đồng ý chia tài sản cho bà Đ.

- *Trung tâm phát triển Quỹ đất quận Ô có ý kiến:*

Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 91 đoạn km 7+000-km 50+889, hộ ông Trần văn Sơn được bồi thường, hỗ trợ và tái định cư như sau:

- Diện tích đất thu hồi 143,6m², giá trị bồi thường 141.302.400đ;

- Tài sản trên đất thu hồi gồm:

+ ảnh hưởng 03 kết cấu, diện tích 141,44m² giá trị bồi thường nhà 274.228.240đ (bồi thường toàn bộ)

+ Công trình kiến trúc: có 05 hạng mục (đồng hồ điện chính, sân xi măng, gạch men ốp tường, tường 10 xây tô 02 mặt, khối bê tông cốt thép), Giá trị bồi thường công trình kiến trúc là 6.522.480đ;

+ Các khoản hỗ trợ: 10.940.000đ (hỗ trợ di chuyển nhà 5.000.000đ, hỗ trợ ổn định cuộc sống 01 khẩu 1.980.000đ, hỗ trợ ổn định đời sống 3.960.000đ.

Tổng cộng các khoản trên là 432.993.120đ.

Ngoài ra, mặc dù hộ ông S chưa nhận tiền nhưng hộ ông S đã bàn giao mặt bằng nên còn được nhận 5.000.000đ tiền thưởng. Trung tâm phát triển Quỹ đất quận Ô đề nghị tòa án xét xử vắng mặt và sẽ thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

Vụ việc được hòa giải nhưng không thành nên đưa ra xét xử. Tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 59/2018/HNGĐ-ST ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân quận Ô Môn đã quyết định:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ; chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Hồng L.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia $\frac{1}{2}$ thửa đất và tài sản gắn liền với đất 786, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại quận Ô, thành phố Cần Thơ.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ số tiền là 437.939.120đ tiền dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 91.

Chấp nhận yêu cầu chia các hiện vật trong nhà: Buộc ông Trần Văn S trả cho bà Nguyễn Thị Đ 19.000.000đ giá trị vật dụng trong gia đình.

Ông S được sử dụng toàn bộ các vật dụng trong gia đình.

- Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Hồng L về việc không chia phần đất và tài sản trên đất thuộc thửa 786, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc quận Ô, thành phố Cần Thơ.

Đối với diện tích đất chênh lệch tăng 13m², đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22/11/2018, nguyên đơn kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đến ngày 04/12/2018 Viện kiểm sát nhận dân quận Ô Môn kháng nghị đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng chia đôi thửa đất và bác yêu cầu của nguyên đơn về việc chia đôi giá trị căn nhà và vật dụng.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và kháng cáo, yêu cầu chia đôi tài sản chung và được nhận giá trị theo kết quả định giá. Các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu của nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn nộp đơn kháng cáo và nộp tạm ứng án phí trong thời gian luật định nên xem xét hợp lệ về mặt hình thức.

Về nội dung: Về nguồn gốc thửa đất 786, bà Đ chứng minh được việc bà có hôn với ông S để mua bằng lời thừa nhận của chủ đất chuyển nhượng cho ông S, bà Đ, ngoài ra trong hồ sơ chuyển nhượng có biên bản họp gia đình của chủ đất

thể hiện có chuyển nhượng đất cho bà Đ nên có căn cứ xác định thửa đất này là tài sản chung của bà Đ và ông S. Do bà Đ khai có hùn 15.000.000đ, ông S hùn 35.000.000đ, tức bà Đ hùn 3 phần, ông S hùn 7 phần nên cần chia theo tỷ lệ 3/7. Đối với các tài sản khác, bà Đ không chứng minh được việc hùn với ông S để tạo lập, trong khi ông S không thừa nhận. Từ cơ sở đó, cần chấp nhận một phần kháng cáo của bà Đ, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Ô.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: bị đơn kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn kháng nghị trong thời hạn luật định nên được xem xét và giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại bản án phúc thẩm số 34/2015/HNPT ngày 10/11/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: không công nhận vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Đ và ông Trần Văn S.

- Về tài sản chung: Hủy án sơ thẩm về phần tài sản. Giao hồ sơ về Tòa án nhân dân quận Ô Môn để xét xử lại.

Như vậy, cần phải xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp về chia tài sản của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn*” theo quy định tại khoản 7 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật “tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn” là chưa đúng cần rút kinh nghiệm.

[2] Về nội dung kháng cáo của bà Đ và kháng nghị của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Tài sản tranh chấp gồm:

1. Số tiền bồi thường theo Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 91 đoạn km 7+000-km 50+889, hộ ông Trần văn Sơn được bồi thường, hỗ trợ và tái định cư như sau:

- Diện tích đất thu hồi 143,6m² tại thửa đất 786, số tiền bồi thường 141.302.400đ;

- Tài sản trên đất thu hồi gồm:

- + Giá trị bồi thường nhà 274.228.240đ (bồi thường toàn bộ)

- + Giá trị bồi thường công trình kiến trúc là 6.522.480đ;

- + Các khoản hỗ trợ: 10.940.000đ.

Ngoài ra, mặc dù hộ ông S chưa nhận tiền nhưng hộ ông Son đã bàn giao mặt bằng nên còn được nhận 5.000.000đ tiền thưởng.

Tổng cộng các khoản là: 437.993.120đ.

2. Đồ dùng trong gia đình gồm: Đầu đĩa thường, đầu đĩa 6 số, âm li, thùng bas, tivi JVC, tủ lạnh... tổng giá trị 38.000.000đ.

3. Quyền sử dụng diện tích 241m² tại thửa đất 786, tờ bản đồ số 04, quận Ô, thành phố Cần Thơ và nhà+ vật kiến trúc trên đất.

[2.2] Ông S và bà Đ chung sống với nhau như vợ chồng không đăng ký kết hôn, Nếu có tranh chấp về tài sản thì được giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014, tức giải quyết theo quy định của Bộ luật dân sự và các quy định khác của pháp luật có liên quan. Như vậy, việc bà Đ, ông S xác lập tài sản trong thời kỳ chung sống không hợp pháp thì tài sản này không được coi là tài sản chung hợp nhất của vợ chồng. Nếu có căn cứ xác định tài sản chung thì cần phân chia theo công sức đóng góp của mỗi bên.

[2.3] Về nguồn gốc thửa đất 786 theo tài liệu có trong hồ sơ và thừa nhận của các đương sự là của vợ chồng ông Nguyễn Mạnh Th và bà Nguyễn Thị Ngọc B. Ông Th và bà B cho rằng vợ chồng ông có chuyển nhượng cho ông Trần Văn S, bà Nguyễn Thị Đ, khi đến giao dịch chuyển nhượng, ông S và bà Đ tự giới thiệu là vợ chồng để cả hai cùng chuyển nhượng với ông bà. Nhưng đến khi lập hợp đồng chuyển nhượng thì ông S yêu cầu để mình tên ông S. Ngoài ra, theo hồ sơ địa chính khi làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất cho ông S, có Biên bản họp gia đình ngày 05/6/2000 có ghi nhận vợ chồng ông Th “chuyển quyền sử dụng 380m² đất cho bà Nguyễn Thị Đ”. Điều này chứng tỏ thửa đất 786 là của vợ chồng ông Th, bà B chuyển nhượng cho ông S, bà Đ, vì vậy cần xác định đây là tài sản chung của ông S, bà Đ.

Ông S và bà Đ đều đưa ra chứng cứ để chứng minh nguồn tiền mua đất. Ông S cho rằng ông số tiền mua đất ông bỏ ra toàn bộ là 50.000.000đ, bà Đ thì cho rằng bà có hùn 15.000.000đ, ông S hùn 35.000.000đ. Xét thấy cả hai đều có đưa ra chứng cứ để chứng minh nguồn tiền mua đất nên cần xác định bà Đ hùn 15.000.000đ, ông S hùn 35.000.000đ, tức trong số tài sản này bà Đ có hùn 3 phần, ông S hùn 7 phần, điều này cũng có lợi cho ông S và cũng đảm bảo được quyền, lợi ích hợp pháp của bà Đ. Như vậy, thửa đất 786 được chia theo tỷ lệ 3/7, cụ thể như sau:

- Diện tích đất thu hồi 143,6m², số tiền bồi thường 141.302.400đ, bà Đ được hưởng 3 phần là 42.390.720đ, ông S được hưởng 7 phần là 98.911.680đ.

- Quyền sử dụng 241m², có giá trị theo kết quả định giá là 925.922.000đ (241m² x 3.842.000đ/m²), bà Đ được hưởng 3 phần có giá trị 277.776.600đ, ông S được hưởng 7 phần có giá trị 648.145.400đ.

Để đảm bảo giá trị sử dụng của thửa đất hiện tại và trên đất hiện nay có 02 căn nhà của ông S nên cần giao toàn bộ thửa đất cho ông S, cũng phù hợp với yêu cầu của bà Đ, ông S có trách nhiệm trả lại giá trị đất phần bà Đ được chia.

[2.4] Đối với tài sản có trên đất khi nhà nước thu hồi đất, nhà hiện tại và vật dụng trong gia đình, bà Đ yêu cầu được chia đôi, xét thấy tại tờ tường trình ngày 19/4/2011 của bà Đ có cho rằng, khi mua đất bà có bán vàng và hùn với ông S được 15.000.000đ để mua đất, chứng tỏ không có khả năng hùn tiền để cất nhà. Ngoài ra, bà Đ không có chứng cứ gì chứng minh có hùn mua các tài sản này ngoài lời khai của bà Đ, trong khi ông S không thừa nhận, ông S cũng chứng minh việc ông cất nhà bằng lời khai của các người làm chứng, vì vậy không có căn cứ xác định đây là tài sản chung giữa ông S với bà Đ, bà Đ yêu cầu chia đôi là không có căn cứ chấp nhận.

Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm về việc chấp nhận một phần kháng cáo của bà Diệp và một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Đối với phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực thi hành.

[4] Về chi phí thẩm tại chỗ, định giá: tại phiên tòa nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm, nghị công nhận đã nộp và chi xong.

[5] Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Bà Đ được chia tổng số tiền là 320.167.320đ nên phải chịu án phí 5% là 16.008.000đ, ngoài ra bà Đ còn phải chịu 200.000đ án phí yêu cầu chia tài sản chung nhưng không được chấp nhận. Nguyên đơn đã nộp 03 lần tạm ứng án phí với tổng số tiền là 7.076.000đ, được trừ 200.000đ án phí sơ thẩm hôn nhân, còn lại 6.876.000đ, số tiền này được khấu trừ vào số tiền án phí.

Ông Trần Văn S được chia phần tài sản có giá trị 747.057.080đ nên phải chịu án phí 33.882.000đ.

-Án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên nguyên đơn không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 16 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 219 Bộ luật dân sự năm 2015;

Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Chấp nhận một kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ;

Sửa bản án sơ thẩm

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xác định tài sản chung của bà Nguyễn Thị Đ và ông Trần Văn S gồm:

- Quyền sử dụng 241m² tại thửa đất 786, tờ bản đồ số 04, quận Ô , thành phố Cần Thơ, có giá trị theo kết quả định giá là 925.922.000đ.

- 141.302.400đ (là diện tích đất thu hồi 143,6m²).

Chia cho ông Trần Văn S quyền sử dụng 241m² tại thửa đất 786, tờ bản đồ số 04, quận Ô, thành phố Cần Thơ (*Xác định theo mảnh trích đo địa chính số 776 ngày 07/12/2016 của Văn phòng đăng ký đất đai quận Ô Môn*).

Buộc ông Trần Văn S có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Đ giá trị quyền sử dụng đất được chia 277.776.600đ (*hai trăm bảy mươi bảy triệu, bảy trăm bảy mươi bảy ngàn, sáu trăm đồng*).

Chia cho bà Đ giá trị đất bị thu hồi 42.390.720đ (*Bốn mươi hai triệu, ba trăm chín mươi ngàn, bảy trăm hai mươi đồng*), bà Đ được nhận số tiền này tại Trung tâm phát triển quỹ đất quận Ô Môn.

Chia cho ông Trần Văn S giá trị đất bị thu hồi 98.911.680đ (*Chín mươi tám triệu, chín trăm mười một ngàn, sáu trăm tám mươi đồng*), ông Son được nhận số tiền này tại Trung tâm phát triển quỹ đất quận Ô Môn.

2. Bác yêu cầu của bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu được chia giá trị tài sản trên đất thu hồi gồm: Giá trị bồi thường nhà 274.228.240đ (bồi thường toàn bộ); Giá trị bồi thường công trình kiến trúc là 6.522.480đ; Các khoản hỗ trợ: 10.940.000đ; 5.000.000đ tiền thưởng

Ông Trần Văn S được nhận toàn bộ số tiền bồi hoàn này tại Trung Tâm phát triển quỹ đất quận Ô Môn.

3. Bác yêu cầu của bà Nguyễn Thị Đ về việc yêu cầu chia giá trị nhà, vật kiến trúc trên thửa đất 786, giá trị vật dụng vật dụng sinh hoạt trong gia đình, vì không cơ cơ sở.

4. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Nguyên đơn tự nguyện chịu, công nhận nguyên đơn đã nộp và chi xong ở cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm.

5. Về án phí:

- Về án phí chia tài sản sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 16.208.000đ, được khấu trừ vào số tiền 6.876.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu tiền số 006762 ngày 30/9/2011, số 006908 ngày 06/01/2012, số 009578 ngày 05/5/2016 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ô Môn nên bà Diệp còn phải nộp thêm 9.332.000đ (*chín triệu, ba trăm ba mươi hai ngàn đồng*).

Ông Trần Văn S phải chịu 33.008.000đ (*Ba mươi ba triệu, không trăm lẻ tám ngàn đồng*).

- Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Đ không phải chịu nên được nhận lại 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 005699 ngày 27/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ô Môn.

6. Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ và thi hành án:

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành số tiền nêu trên, thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả được tính theo quy định tại Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hoàng Dũng – Nguyễn Thị Thùy Trang

Nguyễn Quyển

Nơi nhận:

- VKSND-TPCT
- TAND Q.Ô Môn
- Các đương sự
- Chi Cục THADS Q.Ô Môn
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quyền